

Số: 6122/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục chính trị

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP, ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH;

Căn cứ Quyết định số 4155/QĐ-ĐHSP, ngày 4 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Giáo dục chính trị, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục chính trị của Trường Đại học Sư phạm.

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo là tài liệu cung cấp thông tin chi tiết về chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục chính trị giúp người học, nhà tuyển dụng lao động và các bên liên quan khác hiểu về chương trình đào tạo; là tài liệu phục vụ cho hoạt động rà soát nội bộ và giám sát các hoạt động của chương trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng khoa Giáo dục chính trị, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, Khoa GDCT, KT&ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG *h*
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thị Tính

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

*(kèm theo Quyết định số 6122/QĐ-ĐHSP ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường
Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)*

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị được xây dựng mới từ khóa 49 năm học 2013 - 2014 và được điều chỉnh ở những năm học 2014 – 2015 (khóa 50) và năm học 2017-2018 (khóa 53).

Chương trình điều chỉnh mới của K53 dựa trên Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mới, Khung năng lực trình độ quốc gia, Chương trình giáo dục phổ thông mới (vừa được ban hành) và thực tiễn việc dạy học môn GDCC ở trường phổ thông hiện nay.

Chương trình có sự tham khảo của chương trình Lý luận Chính trị của các trường Chính trị, các trường Đại học và chương trình Giáo dục Chính trị, Giáo dục công dân của các trường Đại học Sư phạm trong nước. Giảng viên tham gia giảng dạy có trình độ đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo để thực hiện chương trình.

Sinh viên học chương trình cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị được hưởng những chính sách ưu như học bổng khuyến khích, học bổng sinh viên nghèo vượt khó....

Sau khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên có nhiều cơ hội việc làm và thành đạt cao nếu nỗ lực vươn lên. Hàng năm, chương trình đều nhận được sự đánh giá khá tốt của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, nhà khoa học về khả năng làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng như về chương trình đào tạo.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị
Tên chương trình (tiếng Anh)	Pedagogical Policial Education
Mã ngành đào tạo	7140205
Trường cấp bằng	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng	Cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	130

Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo; Thỏa mãn yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm	1. Giáo viên dạy Giáo dục công dân cấp THCS và THPT 2. Giảng viên giảng dạy Lý luận chính trị tại các Viện, Học viện, Trung tâm nghiên cứu về Lý luận Chính trị; các trường Đại học, cao đẳng; Trung tâm Chính trị; Ban Tuyên giáo. 3. Công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương.
Học tập nâng cao trình độ	1. Học văn bằng 2 các ngành khác 2. Học các chuyên đề bổ trợ để chuyển đổi sang trình độ cử nhân tương đương các chuyên ngành thuộc khoa học xã hội - chính trị như Cử nhân Triết học, Cử nhân Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Học thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình cử nhân Lý luận chính trị của các học viện, các trường Chính trị, trường Đại học trong nước. Chương trình cử nhân sư phạm Giáo dục chính trị trường ĐHSP Hà Nội, Đại học Sư phạm Huế, Đại học Sư phạm Hà Nội 2; ĐHSP Thành phố HCM...
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	8/2018

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục chính trị có chất lượng cao, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tự học, tự nghiên cứu; có năng lực tư duy, sáng tạo, năng lực học tập ở bậc học cao hơn; có năng lực phản biện xã hội, tinh thần trách nhiệm cao trong nghề nghiệp; đáp ứng yêu cầu xã hội và phục vụ đắc lực sự nghiệp giáo dục - đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là khu vực trung du, miền núi phía Bắc.

3.2. Mục tiêu cụ thể

MT1. Có kiến thức lý luận và thực tiễn toàn diện, chuyên sâu về ngành Giáo dục Chính trị, Lý luận chính trị, Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật.

MT2. Có kiến thức về Lý luận dạy học - giáo dục, tâm lý học nói chung, các kiến thức lý luận dạy học Giáo dục Chính trị, Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật và vận dụng được trong dạy học, giáo dục người học.

MT3. Có kiến thức về công nghệ thông tin và truyền thông; có trình độ tiếng Anh cơ bản và kiến thức về quốc phòng, an ninh.

MT4. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học, các kỹ năng mềm trong giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông và ở cơ quan, đơn vị nơi mình công tác.

MT5. Có các kỹ năng, tư duy trong các hoạt động kinh tế, xử lý các tình huống đạo đức và pháp luật.

MT6. Có kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông; kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

MT7. Thực hiện được các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

MT8. Có khả năng học tập ở trình độ cao, tự lập nghiệp, có khả năng tự học, lập kế hoạch học tập, trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời.

MT9. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

MT10. Có trách nhiệm với đất nước, trung thành với chế độ, mục tiêu lý tưởng của Đảng. Biết bảo vệ những cái tốt, cái đúng, cái tiến bộ và biết phê phán những cái xấu, cái bảo thủ, lạc hậu.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

*** Kiến thức chung**

1) C1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của tâm lý học, giáo dục học và quản lý nhà trường vào việc tổ chức hoạt động dạy học Giáo dục công dân và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

2) C2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, an ninh, bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới vào thực tiễn nghề nghiệp.

*** Kiến thức chuyên môn**

3) C3: Phân tích được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về khoa học giáo dục chính trị, khoa học kinh tế, pháp luật... và vận dụng các kiến thức đó vào dạy học môn Giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.

4) C4: Hiểu được các kiến thức chuyên sâu về khoa học lý luận chính trị và vận dụng được các kiến thức đó vào thực tiễn nghề nghiệp.

5) C5: Hiểu được các kiến thức về phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục Đạo đức, Giáo dục Công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật và các môn Lý luận chính trị.

6) C6: Hiểu và vận dụng được một số kiến thức cơ bản, chuyên sâu trong tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo khác có liên quan.

4.2. Kỹ năng

*** Kỹ năng chung**

1) C7: Giao tiếp có hiệu quả với học sinh, đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và các bên liên quan khác.

2) C8: Thực hiện được hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp

3) C9: Đạt trình độ tin học IC3, ICDL, MOS hoặc tương đương và ứng dụng được trong hoạt động chuyên môn, giáo dục.

4) C10: Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

5) C11: Thực hiện được các hoạt động tự trải nghiệm nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và dẫn dắt người khác tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.

*** Kỹ năng chuyên môn:**

6) C12. Vận dụng thành thạo các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá trong dạy học bộ môn Giáo dục chính trị, liên môn và các phương pháp giáo dục học sinh theo định hướng phát triển năng lực học sinh; xử lý được các tình huống xảy ra trong hoạt động dạy học, giáo dục học sinh; vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công việc.

7) C13. Áp dụng các kiến thức đã học để thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo và có các kỹ năng: phản biện xã hội, phân tích, đánh giá, giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn giảng dạy, công việc và thực tiễn cuộc sống.

8) C14. Vận dụng được các kiến thức đã học để trao đổi chuyên môn, phản biện, tổ chức các hoạt động xã hội.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 1) C15: Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.
- 2) C16: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.
- 3) C17: Nhận thức được nhu cầu và có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn			NL tự chủ và trách nhiệm		
	C 1	C 2	C 3	C 4	C 5	C 6	C 7	C 8	C 9	C 10	C 11	C 12	C 13	C 14	C 15	C 16	C 17
MT1			x	x	x	x					x		x	x		x	
MT2	x		x	x	x	x	x	x			x	x	x	x		x	x
MT3		x							x	x			x	x			
MT4	x					x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
MT5		x	x	x		x	x	x			x		x	x	x	x	x
MT6									x	x							
MT7	x				x							x					
MT8				x	x	x					x					x	x
MT9		x					x	x			x		x	x	x	x	
MT10		x	x	x			x					x	x	x	x		

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên tham gia giảng dạy các học phần đều đạt tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ (thạc sỹ, tiến sỹ phù hợp với chuyên ngành đảm nhận);
- Giảng viên tham gia giảng dạy các học phần đều đáp ứng những yêu cầu đặt ra về năng lực dạy học và phẩm chất đạo đức.

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Để phát huy tính tích cực, năng lực sáng tạo của sinh viên đòi hỏi giảng viên phải sử dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp thuyết trình: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích phân tích, giảng giải, chứng minh làm rõ hệ thống kiến thức nền tảng của học phần. Phương pháp thuyết trình được sử dụng trong dạy học khái niệm, quy luật và các vấn đề mang tính trừu tượng, khái quát cao.
- Phương pháp trao đổi, đàm thoại: Trao đổi trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên; giữa sinh viên và sinh viên. Phương pháp này được sử dụng trong dạy học các vấn đề cần có sự liên hệ giữa lý luận và thực tiễn.
- Phương pháp dạy học nhóm/ thảo luận nhóm: Sử dụng ở các nội dung thảo luận tại lớp đối với các vấn đề cần có sự liên hệ giữa lý luận và thực tiễn. Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác. Phương pháp này nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng hợp tác, kỹ năng phản biện xã hội ở sinh viên.
- Phương pháp sử dụng nêu vấn đề và sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng để thu hút sinh viên vào những vấn đề xuất hiện mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn, giúp sinh viên biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích bài học. Phương pháp này hướng đến việc phát huy tính tích cực khám phá, phát hiện và chiếm lĩnh tri thức của sinh viên, phát triển năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác ở sinh viên.
- Phương pháp sắm vai: Được sử dụng trong dạy học các tình huống giả định và tình huống thực tiễn, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.
- Hình thức tổ chức dạy học thực hành học phần: Được sử dụng trong dạy học các tình huống, các vấn đề thực tiễn với mục đích củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho sinh viên.
- Định hướng tự học / bài tập/ seminar cho sinh viên: Định hướng để sinh viên tự học các vấn đề lý thuyết đơn giản hoặc các vấn đề thực tiễn với mục đích rèn luyện ý thức tự học, tư duy độc lập và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho sinh viên.
- Kết hợp hình thức dạy truyền thống với hình thức dạy E-learning một số các học phần như: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Logic học, Văn hóa học.
- Hình thức dạy học theo mô hình Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom) được thiết kế và sử dụng ở một số môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và đặc biệt là khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm để rèn kỹ năng dạy học cho sinh viên.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Để giúp giảng viên nâng cao chất lượng dạy và đáp ứng mục tiêu đào tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra, những năm qua chương trình đào tạo thường xuyên được điều chỉnh dựa trên các cơ sở và luận cứ sau:

- Các văn bản, Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình đào tạo;

- Cập nhật chương trình phổ thông mới của Bộ Giáo dục và đào tạo
- Các Nghị quyết của Đảng về giáo dục – đào tạo;
- Dự giờ giảng viên giảng dạy theo học kỳ ở từng năm học;
- Kết quả phản hồi của sinh viên sau khi kết thúc học kỳ hoặc kết thúc năm học.
- Kết quả họp chuyên môn diễn ra định kỳ và đột xuất của các Tổ Bộ môn.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Chương trình sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá như: tự luận, vấn đáp, thực hành môn học, thực tế chuyên môn, trắc nghiệm khách quan...

6.2.1. Đánh giá kết quả đầu ra của chương trình đào tạo được thực hiện theo thang đánh giá Rubrics liên kết giữa đánh giá - dạy - học, như sau:

Tiêu chí đánh giá	Các mức độ đạt được tiêu chí					
	Biết	Hiểu	Ứng dụng	Phân tích	Tổng hợp	Đánh giá
	30%		70%			
Kiến thức	Sinh viên có khả năng nhắc lại hoặc nhận ra thông tin đã được học.	Sinh viên hiểu thấu ý nghĩa của những kiến thức đã học.	Sinh viên vận dụng được những kiến thức đã được học để giải quyết những tình huống mới và cụ thể.	Sinh viên phân chia được nội dung bài học thành những phần nhỏ để có thể hiểu được cấu trúc của bài học và mối liên hệ giữa các kiến thức của học phần.	Sinh viên sử dụng các ý tưởng cũ để tạo ra cái mới hoặc sắp xếp các phần hợp lại với nhau để tạo thành khối kiến thức mới.	Sinh viên biết nhận xét tính giá trị của học phần dựa trên mục tiêu đã hoạch định trước đó.
Kỹ năng	Sinh viên nhận thức được các kỹ năng cơ bản được giáo dục trong học	Sinh viên hiểu rõ được yêu cầu, nguyên lý thực hiện các kỹ năng để giải quyết	Sinh viên ứng dụng được các kỹ năng được giáo dục trong học phần	Sinh viên lựa chọn và sử dụng được kỹ năng phù hợp để xử lý các vấn	Sinh viên biết sử dụng tổng hợp các kỹ năng một cách chủ động, linh	Sinh viên đánh giá được mức độ đạt được các kỹ năng của bản

	phần	những tình huống cụ thể dựa trên kiến thức của các học phần	vào xử lý các tình huống trong dạy học và trong thực tiễn.	đề nảy sinh trong dạy học và thực tiễn	hoạt để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong dạy học và thực tiễn.	thân
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Sinh viên nhận diện được những phẩm chất đạo đức, chính trị của người công dân; tự chủ và chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp và thực tiễn của đất nước.	Sinh viên hiểu và thực hiện đúng, có trách nhiệm đối với các yêu cầu đề ra của học phần và của thực tiễn.	Sinh viên vận dụng được kiến thức của các học phần để có được tính chủ động, sáng tạo trong công việc; chịu trách nhiệm trước cá nhân và nhóm.	Sinh viên biết phân chia hợp lý các nhiệm vụ để thực hiện có hiệu quả đối với yêu cầu của học phần và của các công việc mình đảm nhiệm.	Sinh viên vận dụng và phát huy được năng lực tự chủ, sáng tạo của mình để giải quyết những nhiệm vụ mới mà các học phần đề ra.	Sinh viên đánh giá, được năng lực tự chủ và mức độ thực hiện trách nhiệm của bản thân trước những vấn đề đặt ra trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.

6.2.2. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

6.2.3 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Số đầu điểm đánh giá quá trình

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3
3-4	1	2	2	5

5	1	2	3	6
---	---	---	---	---

- Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại được quy định cụ thể ở từng môn học)

+ Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	...	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân, tiểu luận	...	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm	...	- Thời gian tham gia họp nhóm		1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4	Thí nghiệm/ thực hành	...	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ		1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		3

			- Kết quả được giải thích và chứng minh		3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1
5	Seminar (*bài làm theo nhóm)	...	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
6	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%) <i>(Sử dụng một trong các hình thức sau tùy từng môn học)</i>					
7	Tự luận		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.		10
8	Trắc nghiệm		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.		10
9	Vấn đáp		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường		10
10	Thực hành		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá thực hành quy định chung của Trường		10
11	Tiểu luận		Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá tiểu luận quy định chung của Trường		10
12	Bài tập lớn		Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá bài tập lớn quy định chung của Trường		10

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
----	----------------------------	---------------	------------

1	Kiến thức chung, 17 tín chỉ và các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng.	Bắt buộc	15
		Tự chọn	2
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 70 tín chỉ	Bắt buộc	66
		Tự chọn	4
3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, 36 tín chỉ	Bắt buộc	34
		Tự chọn	2
4	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, 7 tín chỉ	Bắt buộc	7
		Tự chọn	
Tổng số			130

- Khối kiến thức chung gồm 16 học phần, trong đó có 9 học phần bắt buộc và 7 học phần tự chọn.

Các học phần bắt buộc gồm: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tiếng Anh , Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục thể chất 3, Giáo dục quốc phòng.

Các học phần tự chọn gồm: Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành; Văn hóa và phát triển; Đại cương Lịch sử Việt Nam; Thiên văn học; Văn bản hành chính công vụ; Tin học đại cương; Tiếng Việt thực hành.

Khối kiến thức chung giúp sinh viên:

- Hiểu được nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối của ĐCS VN về cách mạng Việt Nam và vận dụng được những kiến thức đó vào thực tiễn nghề nghiệp;
- Hiểu và vận dụng được các kiến thức về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, an ninh, bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới vào thực tiễn nghề nghiệp;
- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp và trong hoạt động chuyên môn.
- Đạt trình độ tin học IC3, ICDL, MOS hoặc tương đương và ứng dụng được trong hoạt động chuyên môn, giáo dục.
- Hiểu được những kiến thức cơ bản về Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành; Văn bản hành chính công vụ hoặc các kiến thức về Văn hóa và phát triển để có thể vận dụng vào nghề nghiệp.

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 35 học phần, trong đó:

- Kiến thức cơ sở ngành gồm 9 học phần bắt buộc và 5 học phần tự chọn.

Các học phần bắt buộc gồm: Triết học, Kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Logic học, Phát triển kỹ năng con người, Văn hóa học, xã hội học, phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh.

Các học phần tự chọn gồm: Quan hệ quốc tế, Mỹ học, Chủ nghĩa tư bản hiện đại, Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam, Lịch sử các học thuyết chính trị.

Khối kiến thức này nhằm đạt được mục tiêu giúp sinh viên:

- Phân tích được *các kiến thức nền tảng* về khoa học giáo dục chính trị
- Vận dụng các kiến thức đó vào thực tiễn nghề nghiệp.

• *Kiến thức chuyên ngành* gồm 13 học phần bắt buộc và 8 học phần tự chọn.

Các học phần bắt buộc bao gồm: Chính trị học, Pháp luật học, Hiến pháp và định chế chính trị, Kinh tế phát triển, Quản lý kinh tế, Lý luận và pháp luật về quyền công dân, Đạo đức học, Những vấn đề của thời đại ngày nay, Kinh tế học đại cương, Lịch sử triết học, Lịch sử các học thuyết kinh tế, Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam, Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Các học phần tự chọn bao gồm: Xây dựng Đảng, Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường phổ thông, Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học, Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế hính trị, Giới thiệu tác phẩm kinh điển Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tác phẩm Hồ Chí Minh, Triết học trong khoa học tự nhiên, Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản.

Khối kiến thức chuyên ngành giúp sinh viên:

- Nắm vững, phân tích và vận dụng được *các kiến thức chuyên sâu* về Chính trị, Pháp luật, Kinh tế, Chủ nghĩa xã hội, thời đại, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và các kiến thức về Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường phổ thông, Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản.

- Vận dụng được các kiến thức đã nêu vào thực tiễn nghề nghiệp, vào quá trình dạy học môn Giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.

• *Kiến thức nghiệp vụ sư phạm* gồm 17 học phần, trong đó có 12 học phần bắt buộc và 5 học phần tự chọn.

Các học phần bắt buộc gồm: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn GDCT, Phát triển chương trình SGK GDCT ở trường THPT, Phương pháp dạy học GDCT (phần 1), Phương pháp dạy học GDCT (phần 2), Kiểm tra đánh giá trong dạy học môn GDCT, Thực hành sư phạm GDCT 1, Thực hành sư phạm GDCT 2, Thực hành sư phạm GDCT 3, Thực tập sư phạm 1, Thực tập sư phạm 2.

Các học phần tự chọn gồm: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học ngành GDCT, Xử lý tình huống sư phạm môn GDCT, Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp môn GDCT, Giáo dục gia đình, Giáo dục môi trường qua môn GDCT.

Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp sinh viên:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản của tâm lý học, giáo dục học và quản lý nhà trường.
- Vận dụng được các kiến thức đã nêu vào việc tổ chức hoạt động dạy học Giáo dục công dân và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.
- Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học, kỹ năng phản biện xã hội, các kỹ năng mềm trong giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông và ở cơ quan, đơn vị nơi mình công tác.

- Thực hiện được hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

• *Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp*: Khóa luận tốt nghiệp tương đương 7 tín chỉ, sinh viên cần hoàn thiện 1 đề tài khoa luận, sinh viên có thể chọn một vấn đề thuộc chuyên ngành lý luận chính trị, làm rõ lý luận và phát hiện, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn liên quan đến vấn đề lý luận đã chọn.

Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp gồm 5 học phần: (Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GDCC ở trường THPT, Phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác – Lenin, Văn kiện Đảng, Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Triết học phi Mác – xít hiện đại); sinh viên có thể chọn các học phần sao cho đủ 7 tín chỉ.

Khối kiến thức này giúp sinh viên:

- Thực hiện được các hoạt động tự trải nghiệm nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và dẫn dắt người khác tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.

- Vận dụng được các kiến thức đã học để trao đổi chuyên môn, phản biện, tổ chức các hoạt động xã hội.

- Áp dụng các kiến thức đã học để thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo và có các kỹ năng: phản biện xã hội, phân tích, đánh giá, giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn giảng dạy, công việc và thực tiễn cuộc sống.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
Khối kiến thức chung			
Các môn bắt buộc			5
1	HCM121N	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	VCP131N	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
3	ENG131N	Tiếng Anh 1	3
4	ENG132N	Tiếng Anh 2	3
5	ENG143N	Tiếng Anh 3	4
6	PHE111M	Giáo dục thể chất 1	
7	PHE112M	Giáo dục thể chất 2	
8	PHE113M	Giáo dục thể chất 3	
9	MIE131M	Giáo dục quốc phòng	
Các môn tự chọn			2

1	GIF121N	Tin học đại cương	2
2	VIU121N	Tiếng Việt thực hành	2
3	GME121M	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	2
4	CDE121N	Văn hóa và phát triển	2
5	HFV121N	Đại cương Lịch sử Việt Nam	2
6	AST321M	Thiên văn học	2
7	PAD121M	Văn bản hành chính công vụ	2
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành			30
Các môn bắt buộc			28
1	SPH251N	Triết học	5
2	SPE251N	Kinh tế chính trị học	5
3	SSO241N	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4
4	REL221N	Tôn giáo học	2
5	LOG231N	Lôgic học	3
6	HSK221N	Phát triển kỹ năng con người	2
7	CUL221N	Văn hóa học	2
8	SCI231N	Xã hội học	3
9	MOH221N	Phương pháp và phong cách HCM	2
Các môn tự chọn			2
1	INR221N	Quan hệ quốc tế	2
2	AES221N	Mỹ học	2
3	MCM221M	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	2
4	HPV221M	Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	2
5	HPT221M	Lịch sử các học thuyết chính trị	2
2.2. Khối kiến thức ngành			40
Các môn bắt buộc			38
1	SPO331N	Chính trị học	3
2	SLA351N	Pháp luật học	5
3	CPR321N	Hiến pháp và định chế chính trị	3
4	DEE231M	Kinh tế phát triển	3
5	ECM221M	Quản lý kinh tế	2
6	TLC221M	Lý luận và pháp luật về quyền công dân	2
7	ETH341N	Đạo đức học	4
8	MOP321N	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2
9	FEC331N	Kinh tế học đại cương	3

10	PBM341N	Lịch sử triết học	4
11	HET321N	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2
12	VSL221N	Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	2
13	SVP331N	Chuyên đề Lịch sử ĐCSVN	3
Các môn tự chọn			2
1	CPB321N	Xây dựng Đảng	2
2	ACS321N	Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường phổ thông	2
3	PCW321M	Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học	2
4	PEW321M	Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế chính trị	2
5	SSW321M	Giới thiệu tác phẩm kinh điển CNXH khoa học	2
6	HMW321N	Tác phẩm Hồ Chí Minh	2
7	PNS321M	Triết học trong khoa học tự nhiên	2
8	SRH321N	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	2
Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm			
Các học phần bắt buộc			34
1	EPS431N	Tâm lý học giáo dục	3
2	PEP441N	Giáo dục học	4
3	AIC421M	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn GD CD	2
4	DTE421N	Phát triển chương trình, SGK GD CD ở trường PT	2
5	MTE431N	Phương pháp dạy học môn GD CD ở phổ thông (phần 1)	4
6	MTE452M	Phương pháp dạy học GD CD ở phổ thông (phần 2)	4
7	CTE421M	Kiểm tra đánh giá trong dạy học môn GD CD	2
8	PGS421N	Thực hành sư phạm GDCT 1	2
9	PGS422N	Thực hành sư phạm GDCT 2	3
10	PGS423N	Thực hành sư phạm GDCT 3	3
11	TRA421M	Thực tập sư phạm 1	2
12	TRA432M	Thực tập sư phạm 2	3
Các học phần tự chọn			2
1	MTR421N	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học ngành GDCT	2
2	PSC421M	Xử lý tình huống sư phạm môn GD CD	2
3	DIC421M	Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp môn GD CD	2
4	FAE421N	Giáo dục gia đình	2
5	EDE421N	Giáo dục môi trường qua môn GD CD	2
Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp			
4.1.Khoá luận tốt nghiệp			7

1	POL971N	Khoá luận tốt nghiệp	7
4.2. Các môn thay thế khóa luận (chọn đủ 7 tín chỉ)			7
1	OWE931N	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GDCT ở trường THPT	3
2	MTM931N	Phương pháp DH các môn khoa học Mác – Lênin	3
3	VPD931N	Văn kiện Đảng	2
4	ICM921N	Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế (GDCT)	2
5	PAM921N	Triết học phi mác-xít hiện đại	2

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất					
Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Tiếng Anh 1 (3) *	ENG131N	3	Tiếng Anh 2(3)*	ENG132N	3
GD thể chất 1*	PHE111M	1	GD thể chất 2*	PHE112M	1
Triết học (5)*	SPH251N	5	Kinh tế chính trị học (5)*	SPE251N	5
Tâm lý học giáo dục (3)*	EPS431N	3	Lôgic học (3)*	LOG231N	3
Văn hóa học (2)*	CUL221N	2	Đạo đức học (4)*	ETH341N	4
Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành (2)	GME121M	2			
Văn hóa và phát triển(2)	CDE121N	2			
Đại cương Lịch sử Việt Nam(2)	HFV121N	2			
Thiên văn học(2)	AST321M	2			

Văn bản hành chính công vụ(2)	PAD121M	2			
Tin học đại cương(2)	GIF121N	2			
Tiếng Việt thực hành(2)	VIU121N	2			

Năm thứ hai					
Học kỳ 3			Học kỳ 4		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Giáo dục thể chất 3	PHE113M	1	Tư tưởng HCM (2)*	HCM121N	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học (4)*	SSO241N	4	Giáo dục quốc phòng *	MIE131M	3
Phát triển kỹ năng con người (2)*	HSK221N	2	Tiếng Anh 3 (4)*	ENG143N	4
Kinh tế phát triển(3)*	DEE231M	3	Pháp luật học(5)*	SLA351N	5
Lịch sử triết học (4)*	PBM341N	4	Quản lý kinh tế (2)*	ECM221M	2
Giáo dục học (4)*	PEP441N	4	Phương pháp dạy học môn GDCT ở phổ thông (phần 1) (4)*	MTE431N	3
Quan hệ quốc tế (2)	INR221N	2	Thực hành sư phạm GDCT 1(2)*	PGS421N	2
Mỹ học (2)	AES221N	2			
Chủ nghĩa tư bản hiện đại(2)	MCM221M	2			
Lịch sử các học thuyết chính trị (2)	HPT221M	2			

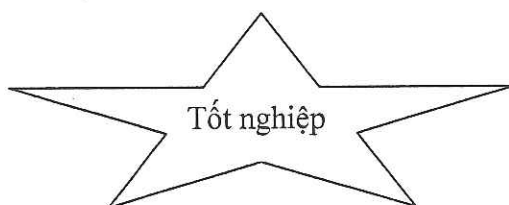
Năm thứ ba					
Học kỳ 5			Học kỳ 6		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Đường lối cách mạng của ĐCSViet Nam (3)*	VCP131N	3	Tôn giáo học(2)*	REL221N	2
Hiến pháp và định chế chính trị (3)*	CPR321N	2	Những vấn đề của thời đại ngày nay (2)*	MOP321N	2
Lý luận và pháp luật về quyền công dân (2)*	TLC221M	2	Kinh tế học đại cương (3)*	FEC331N	3
Lịch sử các học thuyết kinh tế(2)*	HET321N	2	Chuyên đề Lịch sử ĐCSVN (3)*	SVP331N	3
Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn GDCT(2)*	AIC421M	2	Phương pháp dạy học GDCT ở PT (phần 2) (4)*	MTE452M	5
Thực hành sư phạm GDCT 2(3)*	PGS422N	2	Kiểm tra đánh giá trong dạy học môn GDCT (2)*	CTE421M	2
Thực tập sư phạm 1 (2)*	TRA421M	2	Lịch sử nhà nước và pháp luật VN (2)*	HPV221M	2
Xây dựng Đảng(2)	CPB321N	2			
Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường phổ thông (2)	ACS321N	2			
Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học (2)	PCW321M	2			
Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế chính trị (2)	PEW321M	2			
Giới thiệu tác phẩm	SSW321M	2			

kinh điển CNXHKH (2)					
Tác phẩm HCM (2)	HMW321N Tác phẩm HCM (2)	2			
Triết học trong khoa học tự nhiên (2)	PNS321M	2			
Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản (2)	SRH321N	2			

Năm thứ tư					
Học kỳ 7			Học kỳ 8		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Xã hội học(3)*	SCI231N	3	Thực tập sư phạm 2(3)*	TRA432M	3
Phương pháp và phong cách HCM(2)*	SPO331N	3	Khoá luận tốt nghiệp (7)*	POL971N	7
Chính trị học (3)*	MOH221N	2	<i>Các môn thay thế khóa luận (chọn đủ 7 tín chỉ):</i> Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GD CD ở trường THPT(3)	OWE931N	3
Phát triển chương trình, SGK GD CD ở trường phổ thông(4)*	DTE421N	2	Phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin (3)	MTM931N	3
Thực hành sư phạm GDCT 3(3)*	PGS423N	2	Văn kiện Đảng (2)	VPD931N	3
Phương pháp luận	MTR421N	2	Phong trào cộng sản và	ICM921N	2

NCKH ngành GDCT (2)			công nhân quốc tế (2)		
Xử lý tình huống sư phạm môn GDCT (2)	PSC421M	2	Triết học phi mác-xít hiện đại (2)	PAM921N	2
Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp môn GDCT (2)	DIC421M	2			
Giáo dục gia đình (2)	FAE421N	2			
Giáo dục môi trường qua môn GDCT (2)	EDE421N	2			

Ghi chú: * là học phần bắt buộc



4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2 = Đóng góp mức trung bình;
3 = Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn			NL tự chủ và trách nhiệm		
	C 1	C 2	C 3	C 4	C 5	C 6	C 7	C 8	C 9	C 10	C 11	C 12	C 13	C 14	C 15	C 16	C 17
Chung	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	0	2	3	3	3	2	2
Chuyên nghiệp	0	0	3	3	3	3	2	3	1	0	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên Ngành	2	2	3	3	3	2	2	3	1	0	3	3	3	3	3	2	2
KLTN	2	0	3	3	3	2	1	1	0	0	0	3	3	3	1	2	2

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2 = Đóng góp mức trung bình;

3 = Đóng góp mức cao)

Các học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức						Kỹ năng								NL tự chủ và trách nhiệm		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tư tưởng HCM	0	2	3	3	0	0	2	0	0	0	0	2	3	3	2	2	1
Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	0	2	3	3	0	0	3	0	0	0	0	2	3	3	3	2	2
Giáo dục thể chất 1	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	0	2	3
Giáo dục thể chất 2	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	0	2	2
Giáo dục thể chất 3	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	0	2	2
Giáo dục quốc phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiếng Anh 1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	1	1
Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0	2	2
Tiếng Anh 3	0	0	0	0	0	0	2	0	2	3	0	0	0	0	0	3	3
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	1	0	3	0	1	0	2	0	0	1	1
Tiếng Việt thực hành	1	1	0	0	0	0	3	2	0	0	1	0	0	0	2	2	2
Quản lý hành chính NN và quản lý ngành	2	2	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	3	0	1
Văn hóa và phát triển	1	1	0	0	0	0	0	2	1	0	2	0	0	0	2	3	3
Đại cương Lịch sử VN	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	1	1	0
Thiên văn học	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	1	1	2
Văn bản HC công vụ	0	0	2	2	1	1	2	2	1	0	0	2	3	3	2	2	2
Triết học	0	2	3	3	0	2	1	1	0	0	2	0	3	3	2	2	2
Kinh tế chính trị học	0	3	3	3	3	2	0	3	0	0	3	3	2	2	2	1	2
Chủ nghĩa XHKH	0	2	3	3	0	0	2	0	0	0	0	3	3	2	3	3	0
Tôn giáo học	0	0	3	3	0	2	1	1	0	0	2	0	3	3	2	2	2
Lôgic học	0	0	3	2	0	0	2	1	0	0	0	1	3	2	0	2	1
Phát triển kỹ năng con người	0	0	3	3	0	0	1	3	0	0	3	0	3	3	3	2	3
Văn hóa học	0	0	3	3	0	2	1	1	0	0	0	0	3	3	3	2	0
Xã hội học	0	0	2	2	2	3	1	0	0	0	1	3	3	2	0	2	0

Phương pháp và phong cách HCM	0	2	3	3	0	0	1	0	0	0	0	0	3	3	3	2	0
Quan hệ quốc tế	0	2	2	3	0	0	1	0	0	0	0	0	3	3	0	2	0
Mỹ học	0	0	3	3	0	0	1	0	0	0	0	0	3	3	3	2	0
Chủ nghĩa TB hiện đại	0	1	3	3	3	2	2	3	0	0	0	3	3	2	2	3	2
Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	0	0	2	3	0	0	1	0	0	0	0	0	3	3	0	2	0
Lịch sử các học thuyết chính trị	0	1	2	3	0	0	1	0	0	0	0	2	3	2	0	3	2
Chính trị học	0	2	3	3	0	0	1	0	0	0	0	3	3	2	0	3	1
Pháp luật học	2	2	3	3	3	2	1	2	0	0	3	3	3	3	2	2	2
Hiến pháp và định chế chính trị	0	2	3	3	1	1	1	1	0	0	1	3	3	2	2	2	2
Kinh tế phát triển	0	0	3	3	3	2	2	3	0	0	0	3	3	2	2	3	2
Quản lý kinh tế	0	2	3	3	3	2	0	3	0	0	3	3	2	2	1	1	2
Lý luận và pháp luật về quyền công dân	1	0	3	3	0	0	1	1	0	0	0	3	3	2	3	2	1
Đạo đức học	0	0	3	3	0	0	1	0	0	0	0	0	3	3	3	2	2
Những vấn đề của thời đại ngày nay	1	2	3	3	3	1	2	0	0	0	1	2	2	2	0	1	1
Kinh tế học ĐC	0	0	3	3	2	1	0	1	0	0	3	3	3	3	2	2	2
Lịch sử triết học	0	0	3	3	0	0	1	0	0	0	0	2	3	0	0	2	2
Lịch sử các học thuyết kinh tế	0	2	3	3	3	2	0	3	0	0	3	3	2	2	1	1	2
Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	0	0	3	2	1	2	1	2	0	0	0	2	3	2	1	2	1
Chuyên đề Lịch sử ĐCSVN	0	2	3	3	1	0	1	1	0	0	1	2	2	3	3	2	1
Xây dựng Đảng	0	1	3	3	1	1	1	1	0	0	1	2	1	1	1	1	1
CT Đảng và Đoàn thể trong trường PT	1	0	2	2	1	1	1	0	0	0	0	2	3	2	1	2	1
Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học	0	0	2	3	0	0	1	0	0	0	0	0	3	0	0	2	0
Giới thiệu TPKĐ Kinh tế chính trị	0	0	2	3	0	0	1	0	0	0	0	0	3	0	0	2	0

Giới thiệu TPKĐ Chủ nghĩa xã hội khoa học	0	0	2	3	1	0	1	0	0	0	0	0	2	1	0	2	0
Tác phẩm HCM	0	0	3	3	1	0	2	1	0	0	1	2	3	2	1	1	1
Triết học trong khoa học tự nhiên	0	0	2	3	0	0	1	0	0	0	0	0	3	0	0	2	0
Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	2	0
Tâm lý học giáo dục	3	0	0	0	0	0	3	3	0	0	1	0	0	0	2	3	2
Giáo dục học	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	1	0	0	0	2	1	1
Ứng dụng CNTT trong DH môn GDCD	1	0	0	1	3	0	1	0	3	0	0	0	3	0	0	2	0
Phát triển chương trình, SGK GDCD ở trường phổ thông	2	0	1	1	3	2	1	2	0	0	0	2	3	1	1	2	1
PPDH GDCD ở phổ thông (phần 1)	2	1	3	3	3	3	1	2	1	0	2	3	3	1	1	1	2
PPDH GDCD ở phổ thông (phần 2)	3	1	3	3	3	3	2	2	1	0	1	3	3	2	2	2	2
Kiểm tra đánh giá trong dạy học môn GDCD	2	0	0	3	3	0	1	0	0	0	0	3	3	0	0	2	2
Thực hành sự phạm GDCT 1	2	1	2	3	3	1	3	2	1	0	2	2	3	2	1	1	3
Thực hành sự phạm GDCT 2	2	1	2	3	3	2	1	2	2	0	2	2	3	2	1	2	3
Thực hành sự phạm GDCT 3	3	1	2	3	3	2	1	2	2	0	2	2	3	2	1	2	3
Thực tập sự phạm 1	2	2	2	2	3	2	2	2	2	0	2	2	3	2	2	2	2
Thực tập sự phạm 2	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Phương pháp luận NCKH ngành GDCT	0	0	2	2	3	0	2	0	0	0	1	2	3	2	1	2	1
Xử lý tình huống sự phạm môn GDCD	0	0	0	0	3	2	2	0	0	0	0	3	3	0	0	2	0
Thiết kế các chủ đề DHTH môn GDCD	1	0	1	2	3	2	1	0	0	0	0	2	3	0	0	2	0
Giáo dục gia đình	0	0	2	3	3	0	3	3	0	0	0	2	1	2	0	3	0

Giáo dục môi trường qua môn GD&CD	0	0	3	3	0	2	1	0	0	0	0	0	3	3	3	2	0
Tổ chức HĐTN trong dạy học môn GD&CD ở trường THPT	1	0	2	2	2	3	2	1	0	0	3	3	2	2	0	3	2
Phương pháp DH các môn KH Mác – Lênin	2	0	2	2	3	2	1	1	0	0	2	3	3	2	1	2	2
Văn kiện Đảng	0	0	3	3	0	0	1	0	0	0	0	0	3	3	0	2	2
Phong trào CS và CN quốc tế (GDCT)	0	0	3	3	1	0	1	0	0	0	1	2	3	2	1	2	1
Triết học phi mác-xít hiện đại	0	0	3	3	0	0	2	1	0	0	1	0	3	3	0	2	1

6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1.HCM121N, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ):

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, đối tượng nghiên cứu là hệ thống những quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh còn tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.

Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và các học phần thuộc khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn.

6.2. VCP131N, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ):

Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam cơ bản nghiên cứu đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Không kể chương mở đầu, môn học gồm 8 chương. Chương 1,2,3 nghiên cứu về đường lối cách mạng của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1975); Chương 4,5,6,7,8 nghiên cứu về đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới như: Đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị... Môn học này có mối quan hệ trực

tiếp với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc khoa học chính trị.

6.3. PHE111M, Giáo dục thể chất 1

GDTC 1 là môn học bắt buộc trong học phần GDTC dành cho sinh viên không chuyên TDTT Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên. Môn học này gồm hai môn thể thao là Điền kinh và Thể dục. Đây là hai môn thể thao có lịch sử lâu đời nhất, chiếm một vị trí quan trọng trong các chương trình thi đấu của các đại hội thể thao Olympic quốc tế và trong đời sống văn hóa thể thao của nhân loại... Trong học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về GDTC và vệ sinh chăm sóc sức khỏe, kỹ năng cơ bản của các nội dung gồm: chạy cự ly ngắn, nhảy xa, các bài tập Đội hình đội ngũ và bài Thể dục tay không. Giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.

6.4. PHE112M, Giáo dục thể chất 2

Học phần GDTC 2 sinh viên được lựa chọn học một trong năm môn Thể thao sau: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Aerobic, Võ thuật. Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng của việc tập luyện môn thể thao mà mình theo học, nguyên lý kỹ thuật cơ bản, chiến thuật, luật thi đấu, cách thức tổ chức và trọng tài... Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản trong các môn thể thao đó, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.

6.5. PHE113M, Giáo dục thể chất 3

Học phần GDTC 3 sinh viên được lựa chọn học một trong năm môn Thể thao sau: Khiêu vũ Thể thao, Bóng ném, Đá cầu, Cầu lông, Cờ vua. Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng của việc tập luyện môn thể thao mà mình theo học, nguyên lý kỹ thuật cơ bản, chiến thuật, luật thi đấu, cách thức tổ chức và trọng tài... Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản trong các môn thể thao đó, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.

6.6. MIE131M, Giáo dục quốc phòng

6.7. ENG131N, Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ):

Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và phiêu

lưu để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ ở cấp độ Bậc 2 “cấp cao”. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hàng ngày thông qua hình thức giao tiếp như nghe và đọc hiểu thông tin trong các cuộc phỏng vấn trên báo đài, các cuộc hội thoại, đọc các bài báo theo chủ đề quen thuộc, bày tỏ ý kiến quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp hàng ngày; viết được các câu đúng ngữ pháp theo các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và phiêu lưu. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập trên phần mềm tự học MyELT, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.8. ENG132N, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ):

Tiếng Anh 2 là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có *to*, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 mức trung bình, gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết đoạn văn ngắn 35-45 từ.

6.9.ENG143N, Tiếng Anh 3 (4 tín chỉ):

Học phần tiếng Anh 3 tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Ngôn ngữ và học tập; du lịch và kì nghỉ; Lịch sử; Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi -ing và đuôi -ed; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định, *will*, *might*. Ngoài ra, thông qua học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết thư thân mật, viết lý lịch cá nhân khoảng 100-120 từ.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1,2, học phần này tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên để sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

6.10. GIF121N, Tin học đại cương (2 tín chỉ):

Chương 1: Các bộ phận và nhận biết các loại máy tính; xử lý sự cố căn bản; hệ điều hành, mạng máy tính; bảo mật thông tin.

Chương 2: Chức năng chung của hệ soạn thảo văn bản; thao tác với hệ soạn thảo Microsoft Word: định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo.

Chương 3: Cấu trúc dữ liệu bảng tính; thao tác cơ sở với Microsoft Excel: định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ, tổng hợp dữ liệu từ nhiều bảng.

Chương 4: Thao tác cơ bản với slide, chèn đối tượng vào slide, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

6.11. VIU121N, Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ):

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu; cách tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng.

Học phần có cấu trúc gồm 2 chương. Chương 1: *Rèn luyện kỹ năng về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu*. Chương 2: *Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản*. Nhờ các kỹ năng này, người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động đọc, viết, nghe, nói. Đồng thời người học có thể vận dụng các tri thức kỹ năng có được từ môn học để làm các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, nâng cao hiệu quả giao tiếp hành chính, hiệu quả giảng dạy các bài tiếng Việt thực hành ở trường PT, bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực tin học.

6.12. GME121M, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành (2 tín chỉ):

Môn học Quản lý HCNN và quản lý ngành giáo dục-đào tạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân quản lý giáo dục. Nghiên cứu môn học này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước (các tính chất chủ yếu của nền hành chính nhà nước, nội dung, quy trình, công cụ, hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức), quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục đào tạo) và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo; từ đó, sinh viên nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và nghĩa vụ của công dân đối với đất nước. Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn pháp luật đại cương, môn giáo dục học, môn tổ chức và quản lý trường học.

6.13. CDE121N, Văn hóa và phát triển (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, nhóm các học phần tự chọn. Môn học trình bày những tri thức cơ bản của chuyên ngành liên quan tới văn hóa, phân tích mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển, chỉ ra vai trò, ảnh hưởng, tác động của văn hóa tới

sự phát triển kinh tế, xã hội và ngược lại. Môn học cũng liên hệ tới văn hóa Việt Nam, nhận diện và phân tích những đặc điểm cơ bản của văn hóa Việt Nam, vai trò của nó đối với sự phát triển của kinh tế, xã hội Việt Nam trong bối cảnh đương đại và sự tác động của kinh tế tới sự phát triển văn hóa.

6.14. HFV121N, Đại cương Lịch sử Việt Nam (2 tín chỉ):

Đại cương lịch sử Việt Nam là một học phần có xu hướng tích hợp, liên môn với các ngành khoa học của các khoa cơ bản như: Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục chính trị, Giáo dục Quốc phòng – An Ninh... Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về Lịch sử Việt Nam. Bao gồm các nội dung lớn như: Sự phát triển kế tiếp của các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ...

6.15. AST321M, Thiên văn học (2 tín chỉ):

Thiên văn học nghiên cứu qui luật chuyển động của các thiên thể trong mối quan hệ giữa Trái đất và bầu trời; nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên trên Trái đất liên quan đến đặc điểm chuyển động của Trái đất và vị trí tương đối giữa 3 thiên thể: Trái đất, Mặt Trăng, Mặt trời. Cung cấp cho người học những thông tin về cấu trúc và bản chất vật lý của các thiên thể và các quá trình xảy ra trong vũ trụ, tìm hiểu các giả thuyết về nguồn gốc hình thành và sự phát triển của các thiên thể cũng như của toàn vũ trụ.

Học phần Thiên văn học góp phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức để có thể học tập các môn học khác trong chương trình sư phạm Vật lý và giảng dạy tốt các nội dung liên quan trong chương trình Vật lý phổ thông.

6.16. PAD121M, Văn bản hành chính công vụ (2 tín chỉ):

Môn học Văn bản hành chính công vụ là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, vai trò của văn bản trong quản lý hành chính nhà nước; văn bản quản lý hành chính nhà nước nói chung và văn bản hành chính nói riêng; các nguyên tắc và yêu cầu soạn thảo văn bản hành chính; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

Trên cơ sở đó, môn học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng và thực hành soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng (công văn, quyết định, báo cáo, biên bản, thông báo, tờ trình, ...) nhằm phục vụ cho việc học tập và quá trình công tác sau này.

6.17. SPH251N, Triết học (5 tín chỉ):

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Cung cấp các nội dung cơ bản của nguyên lý triết học Mác – Lênin bao gồm các vấn đề về thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật; quy luật vận động, phát triển của xã hội được thể

hiện trong các nội dung Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp và nhân loại; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học. Học phần này có mối quan hệ với các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

6.18.SPE251N, Kinh tế chính trị học (5 tín chỉ):

Học phần tập trung làm rõ những lý luận chuyên sâu về kinh tế chính trị của Mác – Ăng ghen và Lê nin, về sự vận dụng của Đảng và Nhà nước trong phát triển kinh tế ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Học phần được chia thành hai phần: Phần thứ nhất, nghiên cứu những vấn đề kinh tế chính trị Mác – Lê nin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ hai, nghiên cứu những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Học phần là phần kế tiếp tất yếu trong hệ thống các môn khoa học lý luận chính trị Mác – Lênin. Học phần vừa là sự cụ thể hoá, vừa bổ sung cho môn Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Chủ nghĩa duy vật lịch sử; tạo tiền đề để hiểu sâu lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học; tạo điều kiện để học tốt các môn như Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Lịch sử học thuyết kinh tế, Kinh tế học đại cương...

6.19. SSO241N, Chủ nghĩa xã hội khoa học (4 tín chỉ)

Nội dung chính: Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học đề cập và làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình và vấn đề nguồn lực con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và vấn đề chủ nghĩa xã hội hiện thực. Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin, thể hiện tập trung tính mục đích của toàn bộ chủ nghĩa Mác. Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học là tiền đề, cơ sở để học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và nhiều môn khoa học liên ngành khác.

6.20. REL221N, Tôn giáo học (2 tín chỉ):

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Cung cấp tri thức lý luận chung về tôn giáo, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các tôn giáo lớn trên thế giới (đạo Phật, đạo Ki-tô, đạo I-xlam) và một số tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc. Học phần cũng đề cập những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh và Đảng ta trong việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần như: Triết học, Văn hóa học, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

6.21. LOG2312N, Logic học (3 tín chỉ):

Môn logic học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hình thức, quy luật của tư duy, giúp người học có thể tư duy độc lập, biết cách giải quyết các vấn đề liên quan đến tư duy chính xác và tư duy biện chứng. Logic học có liên hệ mật thiết với các khoa học lý luận như triết học; với các khoa học tính toán như toán học; với các khoa học xã hội nhân văn như ngôn ngữ học, tâm lý học...

6.22. HSK221N, Phát triển kỹ năng con người (2 tín chỉ):

- Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thiết yếu để phát triển năng lực của bản. Bao gồm các kỹ năng: Kỹ năng học tập hiệu quả; Kỹ năng tư duy sáng tạo; Kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian; Kỹ năng lập kế hoạch làm việc; Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định; Kỹ năng thuyết trình hiệu quả; Kỹ năng giao tiếp và ứng xử; Kỹ năng làm việc tập thể và tinh thần đồng đội; Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn tìm việc. Học phần này có quan hệ mật thiết với các học phần: Triết học, Tâm lý học, Giáo dục học, Đạo đức học, Phương pháp dạy học môn Giáo dục Công dân.

6.23. CUL221N, Văn hóa học (2 tín chỉ):

Đây là khóa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết văn hóa và học tập, kiến trúc, văn hóa và bản chất của vai trò của nó trong đời sống xã hội; định vị văn hóa, cấu trúc văn hóa Việt Nam; khía cạnh tình cảm và thực tiễn của văn hóa Việt Nam; sự tương tác của văn hóa với văn hóa Việt Nam bên ngoài; Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần: triết học, tôn giáo, các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính sách cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn .

6.24. SCI231N, Xã hội học (3 tín chỉ):

Học phần “Xã hội học” góp phần trang bị cho người học những kiến thức đại cương về xã hội học như đối tượng, phương pháp, nhiệm vụ nghiên cứu; lịch sử hình thành; các khái niệm, phạm trù cơ bản của xã hội học. Bên cạnh đó, xã hội học còn cung cấp các phương pháp nghiên cứu xã hội chuyên biệt để người học có thể vận dụng trong thực tiễn như: phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp metric xã hội, phương pháp điều tra xã hội học.....Trong học phần này, người học cũng được tiếp cận một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản mà xã hội học đặc biệt quan tâm như: xã hội học chính trị, xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, xã hội học giáo dục, xã hội học gia đình... Học phần Xã hội học có mối liên hệ mật thiết với các môn khoa học khác như triết học, tâm lý học, giáo dục học, đạo đức học....

6.25. MOH221N, Phương pháp và phong cách HCM (2 tín chỉ):

Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh như: Những vấn đề chung về phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh; hệ thống phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh; hệ thống phong cách Hồ Chí Minh như phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử và phong cách sinh hoạt. Đồng thời, học phần cũng khẳng định tầm quan trọng của việc vận dụng sáng tạo phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay nhằm xây dựng Đảng thật sự trong sạch, xây dựng một Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Tác phẩm Hồ Chí Minh và các học phần thuộc khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn.

6.26. INR221N, Quan hệ quốc tế (2 tín chỉ):

Quan hệ Quốc tế là học phần tự chọn, đối tượng nghiên cứu là những vấn đề quốc tế, khu vực và đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Cụ thể, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Thời đại ngày nay và mối quan hệ giữa các quốc gia dân tộc, Các nước đang phát triển và vị trí của nó trong đời sống quan hệ quốc tế, Quan hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á trong giai đoạn hiện nay, Chính sách đối ngoại của một số nước lớn sau Chiến tranh lạnh, Đấu tranh chống “Diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc và Xu thế toàn cầu hóa và quá trình hội nhập của Việt Nam.

6.27. AES221N, Mỹ học (2 tín chỉ):

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Cung cấp những nội dung cơ bản về mỹ học Mác - Lênin và bản chất của giáo dục thẩm mỹ; các phạm trù mỹ học cơ bản, quan hệ giữa khách thể thẩm mỹ với chủ thể thẩm mỹ; nghệ thuật và vai trò của nó trong đời sống thẩm mỹ; những nội dung cơ bản và các đặc trưng của công tác giáo dục thẩm mỹ. Học phần này có quan hệ với các môn khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị.

6.28. MCM221M, Chủ nghĩa tư bản hiện đại (2 tín chỉ):

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về CNTB hiện đại; các đặc điểm cơ bản, những tiềm năng, giới hạn, mâu thuẫn và xu hướng vận động của CNTB hiện đại. Từ đó cho biết thời cơ, thách thức và những triển vọng phát triển của nền kinh tế thế giới đương thời. Học phần này có quan hệ với các môn khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị.

6.29. HPV221M, Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam (2 tín chỉ):

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kì và đặc điểm cơ bản, nét đặc thù của tư tưởng triết học Việt Nam. Trên cơ sở đó, giúp cho sinh viên thấy được những thành tựu và hạn chế trong tư tưởng triết học Việt Nam, sự ảnh hưởng của nó tới tư duy, nhận thức của nhân dân ta

trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Nội dung của học phần bao gồm: Khái quát về lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam; tư tưởng triết học Việt Nam từ thời kì tiền sử đến thời kì Bắc thuộc; tư tưởng triết học Việt Nam thời kì hình thành, củng cố quốc gia phong kiến độc lập và tư tưởng triết học Việt Nam thời kì tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các môn Triết học, Lịch sử triết học, Văn hóa học, Tôn giáo học.

6.30.HPT221M, Lịch sử các học thuyết chính trị (2 tín chỉ)

Nội dung chính: Lịch sử các học thuyết chính trị bao gồm có 6 chương, tập trung nghiên cứu những vấn đề có tính quy luật về chính trị trong đời sống xã hội. Đây là học phần cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng góp phần trang bị cho sinh viên thế giới quan khoa học về các vấn đề chính trị - xã hội. Trên cơ sở khái quát, lược khảo tư tưởng chính trị từ thời cổ, trung đại đến thời cận đại và hiện đại, học phần Lịch sử các học thuyết chính trị làm rõ quá trình hình thành, phát triển của các quan điểm, tư tưởng chính trị trong lịch sử từ khi xã hội phân chia giai cấp. Nắm vững kiến thức học phần là điều kiện, tiền đề cần thiết để tiếp cận học phần Chính trị học.

6.31. SPO331N, Chính trị học (3 tín chỉ):

Nội dung chính: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về những quy luật chung nhất của đời sống chính trị- xã hội, cùng những phương thức để hiện thực hóa vấn đề quyền lực chính trị, động lực chính trị, xây dựng thể chế chính trị theo hướng dân chủ, xây dựng văn hóa chính trị và xử lý các tình huống, các điểm nóng chính trị - xã hội. Học phần góp phần cụ thể hóa những vấn đề có tính quy luật về chính trị - xã hội của học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học. Qua đó, hình thành ở người học kỹ năng đánh giá và giải quyết những vấn đề chính trị nảy sinh trong thực tiễn.

6.32. SLA351N, Pháp luật học (5 tín chỉ):

Pháp luật học là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức chuyên ngành Giáo dục chính trị, đối tượng nghiên cứu là những vấn đề cơ bản nhất của nhà nước và pháp luật nói chung và của Nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, các vấn đề pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, ý thức pháp luật, giáo dục pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật. Đồng thời môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình,...

Thông qua sự nhận thức đúng đắn về pháp luật, môn học giúp sinh viên nâng cao ý thức pháp luật, định hướng hành động trong thực tiễn: "Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật".

6.33. CPR331N, Hiến pháp và định chế chính trị (3 tín chỉ):

Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về Hiến pháp của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Luật cơ bản của Nhà nước, tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

Môn học giúp sinh viên tìm hiểu về lịch sử lập hiến của Việt Nam, nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013; hiểu biết về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức hoạt động của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính phủ Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

6.34.DEE231M, Kinh tế phát triển (3 tín chỉ):

Học phần nằm trong khối kiến thức ngành đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị, cung cấp những nội dung cơ bản về kinh tế học phát triển; các phạm trù cơ bản của kinh tế phát triển cũng như các nguyên tắc phát triển kinh tế và phát triển bền vững đối với các nước đang phát triển nói riêng, toàn thể các quốc gia trên thế giới nói chung. Học phần này có quan hệ với các môn khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị.

6.35. ECM231M, Quản lý kinh tế (2 tín chỉ):

Là học phần cơ bản trong hệ thống kiến thức kinh tế cần trang bị cho người học, với ý nghĩa là những kiến thức có tính liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

Học phần có những nội dung cơ bản sau: Thứ nhất là những nguyên lý cơ bản của quản lý kinh tế, gồm vai trò, chức năng, phương pháp và nguyên tắc quản lý kinh tế; công cụ quản lý kinh tế, thông tin kinh tế và yêu cầu, quy trình ban hành và tổ chức thực hiện quyết định quản lý kinh tế. Thứ hai là những kiến thức cơ bản về văn hoá kinh doanh, bao gồm các yếu tố cấu thành cùng chuẩn mực, kỹ năng và những vấn đề đặt ra trong xây dựng văn hoá kinh doanh. Thứ ba là những kiến thức cơ bản về khởi sự kinh doanh, gồm vai trò, quy trình khởi sự kinh doanh; các điều kiện cần thiết để trở thành người kinh doanh thành đạt; điều kiện, cách thức hình thành ý tưởng kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh. Nội dung kiến thức của học phần được xây dựng đảm bảo đúng vững trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, quán triệt nguyên lý kinh tế chính trị Mác - Lê nin và chủ trương đường lối kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần có mối liên hệ với học phần kinh tế học đại cương, văn hoá học và pháp luật học, v.v...

6.36. TLC221M, Lý luận và pháp luật về quyền công dân (2 tín chỉ):

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về các vấn đề lý luận cũng như pháp luật về quyền công dân, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, nội dung, lịch sử phát triển của quyền công dân trên thế giới và Việt Nam. Đồng thời học phần giúp người học hiểu hơn về vai trò của các quy định pháp luật về quyền công dân, cơ chế và hệ thống đảm bảo quyền công dân ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học có nhận thức đúng đắn về vấn đề quyền công dân, có khả năng xử lý các tình huống pháp lý có liên quan đến pháp luật về quyền công dân trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong hoạt động nghề nghiệp. Học phần thuộc khối kiến thức bắt buộc dành cho chuyên ngành Giáo dục Chính trị.

6.37.ETH341N, Đạo đức học (4 tín chỉ):

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Cung cấp những nội dung cơ bản về đạo đức và đạo đức học; các phạm trù đạo đức cơ bản; các nguyên lý của đạo đức cộng sản chủ nghĩa; các phẩm chất đạo đức cá nhân; tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và đạo đức người thầy giáo xã hội chủ nghĩa. Học phần này có quan hệ với các môn khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị.

6.38. MOP321N, Những vấn đề của thời đại ngày nay (2 tín chỉ):

Học phần những vấn đề cơ bản của thời đại ngày nay đề cập đến những nội dung cơ bản, cấp bách của thời đại ngày nay cũng như mối quan hệ giữa các quốc gia dân tộc trong giai đoạn hiện nay. Học phần được cấu trúc một cách có hệ thống các khái niệm, đặc trưng và tác động của những vấn đề cấp thiết toàn cầu hiện nay như: Bùng nổ dân số, ô nhiễm môi trường, vấn đề chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo, vấn đề thất nghiệp, nghèo đói và tệ nạn xã hội. Đồng thời, học phần còn cung cấp cho người học những chính sách của Đảng, Nhà nước trước những vấn đề cấp thiết; nêu bật trách nhiệm của công dân trong giải quyết những vấn đề cơ bản của quốc gia, dân tộc gắn với những nội dung cấp bách toàn cầu. Học phần này có mối liên hệ mật thiết với các học phần triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, đạo đức học, pháp luật học...

6.39.FEC331N, Kinh tế học đại cương (3 tín chỉ):

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những cơ sở lý luận để nhận diện và giải quyết các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong hiện thực. Cụ thể:

Những kiến thức cơ bản của kinh tế học nói chung như: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu; Chủ thể kinh tế và ba vấn đề cơ bản của nền kinh tế; Các yếu tố sản xuất, giới hạn khả năng sản xuất và lý thuyết lựa chọn kinh tế.

Những kiến thức cơ bản của kinh tế học vi mô như: tính quy luật và xu hướng vận động của quan hệ cung cầu và tác động của chính phủ; lý thuyết về sản xuất, chi phí, lợi nhuận và các cấu trúc thị trường.

Những kiến thức cơ bản của kinh tế học vĩ mô: các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô; tổng cung, tổng cầu và chính sách tài khoản của chính phủ; chính sách vĩ mô về tiền tệ và nền kinh tế mở; những vấn đề thất nghiệp và lạm phát..

Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với môn Triết học, Kinh tế chính trị học và các học phần thuộc khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn.

6.40. PBM351N, Lịch sử triết học (4 tín chỉ):

Học phần này nằm trong khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị một hệ thống những tri thức triết học đa dạng phong phú trong kho tàng tư tưởng triết học nhân loại từ cổ chí kim ở cả phương Đông (lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại, lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại) và phương Tây (lịch sử triết học Hy Lạp cổ đại, lịch sử triết học thời kỳ Trung cổ, lịch sử triết học thời kỳ Phục Hưng và Cận đại, Lịch sử triết học Cổ điển Đức, Thời kỳ Triết học Mác – Lênin). Trên cơ sở đó, sinh viên tiếp nhận những kiến thức triết học Mác một cách tốt hơn. Môn Lịch sử triết học có quan hệ với các học phần khác như: Văn hoá học, Triết học, Tôn giáo học, Mỹ học, Đạo đức học, Chính trị học.

6.41. HET 321N, Lịch sử các học thuyết kinh tế (2 tín chỉ):

Là học phần cơ bản trong hệ thống kiến thức kinh tế cần trang bị cho người học, với ý nghĩa cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hình thành các quan điểm, tư tưởng của mỗi học thuyết kinh tế. Học phần có những nội dung cơ bản sau: Trên cơ sở trình bày đối tượng, phương pháp và chức năng của môn lịch sử các học thuyết kinh tế, học phần đi vào nghiên cứu tiến trình lịch sử hình thành và phát triển, thay thế hay bổ sung các học thuyết kinh tế trong lịch sử phát triển tư tưởng kinh tế của nhân loại. Nghiên cứu những học thuyết cơ bản, có giá trị thực tiễn và lý luận từ thế kỷ XV đến nay. Trong quá trình nghiên cứu nội dung từng học thuyết, học phần còn chỉ ra tính phê phán vốn có của mỗi học thuyết đối với học thuyết trước. Trên cơ sở lập trường của kinh tế chính trị Mác - Lê nin, đánh giá tính hai mặt của từng học thuyết kinh tế nhằm bảo vệ tính kế thừa, đúng đắn, khoa học, thời sự và không ngừng được bổ sung phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lê nin. Học phần cũng tiếp cận những học thuyết kinh tế của các nhà kinh tế học tư sản hiện đại với mục đích chỉ ra giá trị thực tiễn trong hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô và vĩ mô của nền kinh tế Việt Nam.

6.42. VSL221N, Lịch sử nhà nước và pháp luật VN (2 tín chỉ):

Môn học giúp sinh viên hiểu rõ về lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn: sự hình thành nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam (nhà nước Văn Lang - Âu Lạc thời Hùng Vương - An Dương Vương); nhà nước và pháp luật giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc; nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam (từ triều Ngô đến triều Nguyễn); chính quyền và luật lệ thời Pháp thuộc; nhà nước và pháp luật Việt Nam từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến

nay. Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm vững và hiểu đúng bản chất các sự kiện chính trị - pháp lý quan trọng trong lịch sử Việt Nam, nắm vững nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ. Môn học giúp sinh viên thấy rõ tính ưu việt của nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa, tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

6.43. SVP331N, Chuyên đề Lịch sử ĐCSVN (3 tín chỉ):

Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về hoạt động, chủ trương, đường lối, bài học kinh nghiệm của Đảng cộng sản Việt Nam từ khi thành lập cho đến nay. Qua đó, nhằm nâng cao tư duy lý luận chính trị, giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội theo đúng đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước. Đồng thời, xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và bản thân mình, có trách nhiệm với vấn đề thực hiện đường lối và tham gia hoạch định đường lối của Đảng.

6.44. CPB321N, Xây dựng Đảng (2 tín chỉ):

Xây dựng Đảng là lý luận về đảng cách mạng của giai cấp công nhân - một bộ phận quan trọng trong hệ thống lý luận Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần Xây dựng Đảng là khoa học về sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội; về những nguyên tắc xây dựng nội bộ Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Bộ môn Xây dựng Đảng cung cấp những luận cứ, những cơ sở khoa học trong việc hoạch định đường lối, nghị quyết của Đảng; trang bị cơ sở khoa học về nghiệp vụ công tác Đảng v.v... Học phần xây dựng Đảng có quan hệ hữu cơ với chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, với kinh tế - chính trị học, với khoa học lịch sử Đảng, với chủ nghĩa xã hội khoa học và với lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

6.45. ACS321N, Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường phổ thông (2 tín chỉ):

Học phần Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học cung cấp một số những nội dung cơ bản về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như các nguyên tắc và cơ cấu tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Giáo dục và đào tạo. Học phần Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học còn cung cấp các kiến thức nền tảng về vai trò của tổ chức Công đoàn trong trường học, Vai trò của tổ chức Đoàn thanh niên cũng như các tổ chức khác trong trường học.

6.46. PCW321M, Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học (2 tín chỉ):

Học phần nằm trong khối kiến thức ngành. Cung cấp cho sinh viên về hoàn cảnh, lịch sử ra đời, nội dung cơ bản và ý nghĩa các tác phẩm tiêu biểu của Mác - Ăng ghen, Lênin về triết học. Bao gồm 4 tác phẩm của Mác - Ăng ghen: Hệ tư tưởng Đức, Chống Duy linh, Biện chứng tự nhiên, Lút vich Phơ bách - Sự cáo chung về triết học cổ điển Đức. Hai tác phẩm của Lênin: Bút kí triết học, Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các môn Triết học, Lịch sử triết học, Đạo đức, logic, mỹ học và các môn khoa học xã hội nhân văn.

6.47. PEW321M, Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế chính trị (2 tín chỉ):

Giới thiệu tác phẩm kinh điển kinh tế chính trị là học phần cơ bản trong hệ thống kiến thức kinh tế cần trang bị cho người học, với ý nghĩa cung cấp thông tin về tác giả và nội dung nguyên gốc của các vấn đề lý luận trong học phần kinh tế chính trị học. Nội dung học phần là minh chứng cụ thể để khẳng định K.Marx – F.Engels và V.I.Lenin đã kế thừa, phát triển và hoàn thiện lý luận kinh tế chính trị của nhân loại trong học phần lịch sử các học thuyết kinh tế. Học phần có những nội dung cơ bản sau: Trên cơ sở trình bày hoàn cảnh ra đời, đối tượng, mục đích nghiên cứu và kết cấu của từng tác phẩm (tác phẩm Tư bản của K.Marx, tác phẩm Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản và tác phẩm Bàn về thuế lương thực của V.I.Lenin), học phần đi vào nghiên cứu nội dung chi tiết của từng tác phẩm theo hướng phân tích nội dung lý luận của các tác giả, chỉ ra biểu hiện của các vấn đề lý luận trong thực tiễn lịch sử và hiện tại nhằm bảo vệ giá trị thời sự vô cùng to lớn của các tác phẩm kinh điển.

6.48. SSW321M, Giới thiệu tác phẩm kinh điển CNXHKKH (2 tín chỉ)

Nội dung chính: Giới thiệu tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần cơ bản nằm trong hệ thống kiến thức chuyên ngành cần trang bị cho sinh viên. Đây là học phần cung cấp thông tin về tác giả và nội dung nguyên gốc, giá trị lý luận và thực tiễn của các vấn đề lý luận thuộc lĩnh vực chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần giúp sinh viên có cách nhìn toàn diện, sâu sắc hơn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, qua đó hình thành cho người học thế giới quan duy vật, nhân sinh quan cách mạng, phương pháp luận tiên tiến trong việc nhận diện và giải quyết những vấn đề thực tiễn. Học phần này có mối quan hệ mật thiết với Triết học, Kinh tế chính sách học, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

6.49. HMW321N, Tác phẩm Hồ Chí Minh (2 tín chỉ):

Học phần này cung cấp một số tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh nhằm phục vụ cho yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Cụ thể: Giới thiệu tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp; Tuyên ngôn độc lập ; Sửa đổi lối làm việc; Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân; Di chúc. Đây là những tác phẩm có giá trị to lớn về lý luận và thực tiễn giúp cho việc hoạch định những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, là văn kiện quan trọng , cương lĩnh hành động của Đảng và lớp lớp

thể hệ người Việt Nam, bản hùng ca vĩ đại, niềm tự hào bất diệt của dân tộc. Việc giới thiệu những tác phẩm trên sẽ giúp sinh viên nâng cao được trình độ lý luận, nâng cao tư tưởng và tình cảm cách mạng khi hiểu hết về giá trị, vẻ đẹp của tư tưởng và tâm hồn, nhân cách vĩ đại của một con người cả cuộc đời vì nước vì dân.

6.50. PNS321M, Triết học trong khoa học tự nhiên (2 tín chỉ):

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về triết học trong khoa học tự nhiên, thể hiện ở các lĩnh vực vật lý, toán học, sinh học. Trên cơ sở đó, giúp cho sinh viên thấy được quy luật phát triển tất yếu của tri thức khoa học và mối quan hệ mật thiết của khoa học tự nhiên với triết học. Nội dung của học phần bao gồm: Những vấn đề Triết học của Khoa học tự nhiên; một số vấn đề Triết học của vật lý học; một số vấn đề Triết học của toán học và một số vấn đề Triết học của sinh học. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các môn Triết học, Lịch sử triết học, Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học, Triết học phi mác xít hiện đại.

6.51. SRH321N, Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản (2 tín chỉ):

Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về giới tính, sức khỏe sinh sản nói chung và sức khỏe sinh sản vị thành niên nói riêng cũng như Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu học phần Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, sinh viên có cơ hội để tiếp cận kiến thức về giới tính và rèn luyện kỹ năng về giáo dục sức khỏe sinh sản. Từ đó, giúp cho người học hình thành những hành vi chuẩn mực về giới nhằm xây dựng cuộc sống tốt đẹp, lành mạnh, an toàn, khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần thuộc khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn.

6.52. EPS321M, Tâm lý học giáo dục (3 tín chỉ):

Môn học nhằm trang bị cho người học những khái niệm, quy luật và phương pháp chung nhất của tâm lý học giáo dục; những vấn đề lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em; cơ chế, qui luật và giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em; những cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học và giáo dục; mối quan hệ giữa dạy học và nhận thức, dạy học và giáo dục; các lý thuyết tâm lý học ứng dụng vào hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học một số vấn đề lý thuyết về những nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong nhà trường, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn vướng mắc về tâm lý. Đồng thời, môn học cũng là cơ sở để nghiên cứu các môn học khác trong chương trình đào tạo như: Giáo dục học và các chuyên ngành tâm lý học ứng dụng khác.

6.53. PEP341M, Giáo dục học (4 tín chỉ):

Môn học đề cập đến những nội dung sau:

Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Kiến thức về mục đích và nhiệm vụ giáo dục.

Kiến thức về lý luận dạy học như: khái niệm quá trình dạy học, cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất của quá trình dạy học, quy luật, động lực, lôgic của quá trình dạy học; nguyên tắc và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức tổ chức dạy học.

Kiến thức về lý luận giáo dục: Khái niệm quá trình giáo dục, đặc điểm, bản chất của quá trình giáo dục, lôgic của quá trình giáo dục; Các nguyên tắc và phương pháp giáo dục; kiến thức và kỹ năng tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

Những yêu cầu về nhân cách người giáo viên, đặc điểm lao động sư phạm vai trò và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

6.54. AIC421M, Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn GDCD (2 tín chỉ):

Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học giáo dục công dân là học phần nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin (CNTT); về vị trí, vai trò của CNTT trong dạy học nói chung và dạy học môn GDCD ở THPT nói riêng. Qua học tập, sinh viên sẽ nắm được những nguyên tắc, yêu cầu cơ bản trong ứng dụng CNTT vào dạy học môn GDCD ở trường THPT; hiểu được các hình thức, các kỹ thuật sử dụng CNTT như một công cụ dạy học chủ yếu gắn với đặc thù của bộ môn GDCD. Học phần định hướng rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên môn GDCD. Học phần Ứng dụng CNTT vào dạy học GDCD ở phổ thông có mối liên hệ mật thiết với các học phần khác như triết học, tâm lý học, giáo dục học, đạo đức học và các học phần trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

6.55. DTE421N, Phát triển chương trình, SGK GDCD ở trường phổ thông (2 tín chỉ):

Học phần này cung cấp những nội dung cơ bản về chương trình, sách giáo khoa giáo dục công dân ở trường phổ thông, như: chức năng, nhiệm vụ, lịch sử phát triển chương trình; quan điểm và nguyên tắc xây dựng chương trình và đánh giá sách giáo khoa giáo dục công dân ở trường phổ thông. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho người học một vài kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu, như: Hoa Kỳ, Singapore, Australia, Đài Loan về chương trình và phát triển chương trình. Đồng thời, học phần cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích cấu trúc chương trình gắn với mục tiêu, nội dung kiến thức cơ bản, xây dựng kế hoạch dạy học và xác định các phương pháp dạy học phù hợp trong chương trình giáo dục công dân ở trường phổ thông, rút như như điểm hạn chế trong chương trình và đề xuất hướng khắc phục.

Học phần Phát triển chương trình, SGK GD CD ở trường phổ thông còn cung cấp hệ thống lý luận cơ bản về phát triển chương trình chương trình giáo dục công dân ở trường phổ thông và những tri thức cơ bản để sinh viên có thể vận dụng trong phương pháp giảng dạy cũng như công tác chủ nhiệm lớp.

6.56. MTE441N, Phương pháp dạy học môn GD CD ở phổ thông (phần 1) (4 tín chỉ):

Học phần Phương pháp dạy học giáo dục công dân ở trung học phổ thông 1 trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học môn GD CD ở phổ thông giúp người học nắm được những nguyên tắc, yêu cầu cơ bản trong dạy học môn GD CD ở trường THPT; hiểu được các hình thức dạy học chủ yếu gắn với đặc thù của bộ môn; hiểu được các phương pháp và phương tiện trong dạy học GD CD ở THPT... Từ đó, thiết kế được kế hoạch dạy học bộ môn; bước đầu biết xây dựng các kịch bản dạy học gắn với từng bài học; biết thiết kế các hình thức kiểm tra, đánh giá người học; biết xử lý kết quả kiểm tra để đánh giá người học và điều chỉnh phương pháp dạy học của bản thân; có được những kỹ năng cơ bản khi ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học môn GD CD. Học phần định hướng rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên môn GD CD. Học phần Phương pháp dạy học giáo dục công dân ở trung học phổ thông 1 có mối liên hệ mật thiết với các học phần khác như triết học, tâm lý học, giáo dục học, đạo đức học, giáo dục học, các học phần trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

6.57. MTE442M, Phương pháp dạy học GD CD ở phổ thông (phần 2) (4 tín chỉ):

Học phần Phương pháp dạy học giáo dục công dân ở trung học phổ thông 2, trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học môn GD CD ở phổ thông, về những kiến thức của môn GD CD lớp 10, 11, 12. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thiết kế được kế hoạch dạy học bộ môn; xây dựng các kịch bản dạy học gắn với từng bài học; biết thiết kế các hình thức kiểm tra, đánh giá người học; biết xử lý kết quả kiểm tra để đánh giá người học và điều chỉnh phương pháp dạy học của bản thân. Học phần định hướng rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên dạy học môn GD CD.

6.58. CTE421M, Kiểm tra đánh giá trong dạy học môn GD CD (2 tín chỉ):

Học phần này nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành tổng quan về đánh giá trong giáo dục và kiến thức cơ bản về quản lý lập kế hoạch đánh giá và triển khai các bước đánh giá trong giáo dục; quản lý đánh giá kết quả học tập trên lớp đối với môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các môn Phương pháp dạy học Giáo dục công dân, Phương pháp dạy học các môn Khoa học Mác - Lênin, Phát triển chương trình sách giáo khoa GD CD ở phổ thông.

6.59. PGS421N, Thực hành sư phạm GDCT 1 (2 tín chỉ):

Học phần Thực hành sư phạm GDCT 1 là một trong những học phần quan trọng nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành giáo dục chính trị. Nội dung cơ bản của học phần này là nhằm trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản nhất về vị trí, vai trò quan trọng của rèn luyện nghiệp vụ sư phạm với sinh viên. Cùng với đó, học phần này còn giúp người học rèn luyện những năng lực cần thiết theo chuẩn đầu ra của sinh viên chuyên ngành giáo dục chính trị, giúp sinh viên có đủ khả năng đáp ứng với những yêu cầu về ngành nghề ngay sau khi tốt nghiệp.

Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần trong chuyên ngành giáo dục chính trị, đồng thời còn có mối quan hệ gắn kết với tâm lý học, giáo dục học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học...

6.60. PGS432N, Thực hành sư phạm GDCT 2 (3 tín chỉ):

Học phần Thực hành sư phạm 2 nhằm hình thành ở người học các kỹ năng cần thiết để có thể tổ chức thành công một giờ dạy trên lớp đối với môn giáo dục công dân ở trung học phổ thông hiện nay như: thiết kế và lựa chọn các phương tiện dạy học trực quan phù hợp; sử dụng sách giáo khoa và các nguồn học liệu hiện đại; kỹ năng lựa chọn phương pháp dạy học hợp lý cho một giờ học giáo dục công dân; kỹ năng xây dựng và thiết kế các chủ đề tích hợp hiệu quả. Môn này có mối quan hệ mật thiết với các học phần trong chuyên ngành giáo dục chính trị, đồng thời còn có mối quan hệ gắn kết với tâm lý học, giáo dục học, nhân chủng học...

6.61. PGS423N, Thực hành sư phạm GDCT 3 (3 tín chỉ):

Học phần Thực hành sư phạm 3 là một trong những học phần quan trọng nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị. Nội dung cơ bản của học phần này nhằm rèn luyện cho người học những kỹ năng cơ bản để tổ chức thành công một giờ dạy môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thiết kế kịch bản dạy học, kỹ năng lựa chọn, sử dụng phương tiện dạy học hiệu quả, kỹ năng tổ chức giờ học theo định hướng nâng cao năng lực người học... Học phần này có mối quan hệ mật thiết với các học phần trong chuyên ngành giáo dục chính trị, đồng thời còn có mối quan hệ gắn kết với tâm lý học, giáo dục học, nhân chủng học...

6.62. TRA421M, Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ):

Thực tập sư phạm 1 là một trong những hoạt động thực tiễn quan trọng đối với công tác đào tạo sinh viên các ngành sư phạm. Học phần giúp sinh viên làm quen với môi trường sư phạm, trực tiếp vận dụng các kiến thức, kỹ năng sư phạm đã được học để trực tiếp thực hiện những công việc ở trường phổ thông như làm công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dự giờ chuyên môn... Qua công tác thực tập sư phạm 1, sinh viên sẽ có thêm kiến thức thực tế để điều chỉnh và đúc rút kinh nghiệm làm giàu tri thức bản thân.

6.63. TRA432M, Thực tập sư phạm 2 (3 tín chỉ):

Thực tập sư phạm 2 là một trong những hoạt động thực tiễn quan trọng đối với công tác đào tạo sinh viên các ngành sư phạm. Bên cạnh việc thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dự giờ chuyên môn..., sinh viên thực hiện các hoạt động rất quan trọng là tiến hành soạn giáo án, giảng dạy trực tiếp trên lớp. Qua công tác thực tập sư phạm 2, sinh viên sẽ có thêm kiến thức thực tế để điều chỉnh và đúc rút kinh nghiệm làm giàu tri thức bản thân.

6.64. MTR421N, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học ngành GDCT (2 tín chỉ):

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị nói riêng, bao gồm các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận, luận văn và luận án khoa học ngành Giáo dục chính trị; các phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị; những lĩnh vực nghiên cứu khoa học của ngành Giáo dục chính trị và đặc thù của phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị; cấu trúc của một công trình nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành Giáo dục chính trị. Trên cơ sở nền tảng đó, sinh viên được thực hành viết cấu trúc một đề tài nghiên cứu khoa học để tập dượt và trau dồi khả năng và niềm say mê nghiên cứu khoa học của mình.

6.65. PSC421M, Xử lý tình huống sư phạm môn GD CD (2 tín chỉ):

Học phần Xử lý tình huống sư phạm môn GD CD cung cấp các kiến thức cơ bản về xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD như lý luận chung về tình huống sư phạm; các thành phần cơ bản của tình huống sư phạm môn GD CD; các kỹ năng cơ bản trong xử lý tình huống sư phạm môn GD CD; một số tình huống sư phạm thường gặp trong dạy học môn GD CD. Học phần này có quan hệ với học phần phát triển kỹ năng con người và các học phần nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm

6.66. DIC421M, Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp môn GD CD (2 tín chỉ):

Học phần “Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp môn giáo dục công dân” là một trong những học phần góp phần bồi dưỡng và hình thành ở sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong thiết kế và tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp môn giáo dục công dân một cách hiệu quả theo tinh thần đổi mới giáo dục phổ thông sau 2015. Nội dung học phần tập trung làm rõ vai trò của tổ chức dạy học tích hợp nói chung và tổ chức dạy học tích hợp môn giáo dục công dân ở phổ thông hiện nay. Đồng thời, giới thiệu quy trình xây dựng và tổ chức thực hành thiết kế một số chủ đề tích hợp trong dạy học môn giáo dục công dân ở trung học phổ thông gắn với chương trình phổ thông tổng thể vừa được ban hành.

Học phần “Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp môn giáo dục công dân” có quan hệ mật thiết với các học phần khác như: triết học, tâm lý học, giáo dục học, đạo đức học, phương pháp dạy học giáo dục công dân, Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn giáo dục công dân....

6.67. FAE421N, Giáo dục gia đình (2 tín chỉ):

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về những quy luật chung nhất của đời sống chính trị- xã hội, cùng những phương thức để hiện thực hóa vấn đề quyền lực chính trị, động lực chính trị, xây dựng thể chế chính trị theo hướng dân chủ, xây dựng văn hóa chính trị và xử lý các tình huống, các điểm nóng chính trị - xã hội.

Học phần góp phần cụ thể hóa những vấn đề có tính quy luật về chính trị - xã hội của học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học. Qua đó, hình thành ở người học kỹ năng đánh giá và giải quyết những vấn đề chính trị nảy sinh trong thực tiễn.

6.68. EDE421N, Giáo dục môi trường qua môn GD CD (2 tín chỉ):

Học phần này cung cấp những khái niệm cơ bản về môi trường học như môi trường, môi trường sinh thái, phát triển, phát triển bền vững và những nội dung cơ bản về phát triển bền vững cũng như vai trò của việc bảo vệ môi trường trong để đảm bảo phát triển bền vững. Học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường sinh thái và các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường

Ngoài ra, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giáo dục môi trường sinh thái như việc cần thiết phải giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái, các nguyên tắc, các phương pháp giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái cho học sinh

Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với môn Triết học, Văn hóa học, Đạo đức học, Phương pháp giảng dạy và các học phần thuộc khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn.

6.69. OWE931N, Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GD CD ở trường THPT (3 tín chỉ):

Học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn giáo dục công dân ở trường phổ thông góp phần hình thành, phát triển những năng lực cần thiết cho người học. Thông qua lý thuyết học trải nghiệm, người học được tham gia trải nghiệm sáng tạo với bốn nhóm hoạt động chính: Hoạt động tự chủ (thích ứng, tự chủ, tổ chức sự kiện, sáng tạo độc lập...); Hoạt động câu lạc bộ (hội thanh niên, văn hóa nghệ thuật, thể thao, thực tập siêng năng...); Hoạt động tình nguyện (chia sẻ quan tâm tới hàng xóm láng giềng và những người xung quanh, bảo vệ môi trường); Hoạt động định hướng (tìm hiểu thông tin về hướng phát triển tương lai, tìm hiểu bản thân... Từ đó, giúp sinh viên định chuẩn

được hành vi, bồi đắp lý tưởng và giáo dục tình cảm, niềm tin cho học sinh phổ thông qua tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn GD&ĐT có quan hệ mật thiết với các học phần khác như: triết học, tâm lý học, giáo dục học, đạo đức học, lý luận dạy học giáo dục công dân....

6.70. MTM931N, Phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin (3 tín chỉ):

Học phần Phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin cung cấp cho người học những yêu cầu cơ bản khi dạy học môn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin; Các lý thuyết và các hình thức tổ chức dạy học các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng HCM, Đường lối cách mạng của ĐCSVN. Học phần còn cung cấp cho người học những phương pháp cụ thể khi dạy từng đơn vị kiến thức trong khoa học Mác – Lênin và hệ thống các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin. Học phần này có quan hệ trực tiếp với các học phần Tâm lý giáo dục học, Phát triển kỹ năng con người; Phương pháp DH môn giáo dục công dân ở trường phổ thông, Thực hành sư phạm và các học phần thuộc khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

6.71. VPD931N, Văn kiện Đảng (2 tín chỉ):

Văn kiện Đảng là học phần nghiên cứu trực tiếp một số văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

Học phần gồm 4 chương, các chương 1,2,3 nghiên cứu văn kiện Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1975), chương 4 nghiên cứu văn kiện Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 đến nay).

6.72. ICM921N, Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế (2 tín chỉ):

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở, nền tảng góp phần trang bị cho sinh viên thế giới quan khoa học về lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; từ việc nghiên cứu về phong trào công nhân trước độc quyền đến công xã Pa-ri; Quốc tế I; Quốc tế II; Phong trào công nhân quốc tế từ sau công xã Pa-ri đến năm 1917; Quốc tế III; Cương lĩnh chung của phong trào cộng sản; Phong trào cộng sản quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ II đến nay.

Với hệ thống kiến thức trên sẽ giúp sinh viên nhận thức sâu sắc, chính xác về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế qua các giai đoạn. Nắm rõ tính tất yếu và xu thế vận động trong cuộc đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.

6.73. PAM921N, Triết học phi mác-xít hiện đại (2 tín chỉ):

Học phần Triết học phi mác - xít hiện đại cung cấp các nội dung cơ bản về điều kiện ra đời và đặc điểm triết học của trường phái triết học phương Tây hiện đại với tư cách là một nền triết học mới trong lịch sử tư tưởng triết học nhân loại.

Học phần giới thiệu với người học các trào lưu triết học phi mác - xít xuất hiện cùng thời với triết học Mács, nhưng khác về bản chất so với chủ nghĩa Mács; đó là các trường phái: Chủ nghĩa Thực chứng, Chủ nghĩa Hiện sinh, Chủ nghĩa Freud, Chủ nghĩa thực dụng... Học phần còn làm rõ mối liên hệ giữa lịch sử triết học phương Tây cổ đại, trung đại, cận đại và triết học Mács - Lênin với các trào lưu triết học phương Tây hiện đại. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với môn Triết học, Lịch sử triết học, Đạo đức học, Văn hóa học và các học phần thuộc khoa học lý luận chính trị khác

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Thị Tính

PHÓ TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Khương

